

TÍCH LŨY TRÊN NỀN THANH KHOẢN THẤP

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Nhà đầu tư tận dụng những nhịp rung lắc trong phiên để giải ngân từng phần ở những cổ phiếu có xu hướng ổn định bám sát đường MA20 ngày, thu hút được dòng tiền giải ngân và dư địa tăng còn đáng kể từ vùng hỗ trợ.
BÁN	Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, canh bán chốt lời một phần danh mục khi VN-Index tiến tới ngưỡng kháng cự 1.257–1.263 điểm.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

DPM

MUA

↑ 6,59%

VND38.000

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu (29/11), chỉ số S&P 500 và Nasdaq tiếp tục đóng cửa trong bối cảnh NĐT đang chờ đợi dữ liệu kinh tế.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Thị trường chứng khoán trong nước có phiên phản ứng rung lắc khi chỉ số VN-Index tiếp cận kháng cự quanh đường MA200 ngày. Xu hướng ngắn hạn VN-Index sau giai đoạn phục hồi, đang dần chuyển sang trạng thái tích lũy trên vùng hỗ trợ quanh 1.230–1.235 điểm và kháng cự quan trọng quanh 1.260 điểm. Việc thị trường điều chỉnh rung lắc thể hiện tâm lý thận trọng của nhà đầu tư, tuy nhiên áp lực bán chủ động vẫn duy trì ở mức thấp cho thấy thị trường vẫn đang vận động tích lũy ổn định.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	44.782,00	-0,29	18,82
S&P 500	6.047,15	0,24	26,78
Nasdaq	19.403,95	0,97	29,26
VIX	13,34	-1,26	7,15
DAX	19.933,62	1,57	19,00
FTSE 100	8.312,89	0,31	7,50
CAC40	7.236,89	0,00	-4,06
Hang Seng	19.550,75	0,00	14,68

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	SELL	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	54,45	SELL
MACD (12,26)	-4,04	SELL
ADX (14)	18,75	SELL
SMA5	1.245,58	BUY
SMA20	1.238,44	BUY
SMA50	1.260,39	SELL
SMA100	1.257,60	SELL
SMA200	1.257,99	SELL

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Trong phiên giao dịch ngày thứ Hai (2/12), chỉ số S&P 500 và Nasdaq tiếp tục đóng cửa tăng điểm trong bối cảnh nhà đầu tư đang chờ đợi dữ liệu kinh tế bao gồm báo cáo việc làm hàng tháng công bố trong tuần này. Trong khi đó, chỉ số Dow Jones đóng cửa giảm điểm.
- Trên thị trường năng lượng, giá dầu phiên giao dịch thứ Hai tăng nhẹ khi kỳ vọng nhu cầu mạnh từ hoạt động sản xuất ở Trung Quốc bù đắp cho mối lo rằng Fed sẽ không hạ lãi suất trong cuộc họp chính sách tháng này.
- Kim ngạch xuất khẩu dệt may năm 2024 ước đạt 44 tỷ USD, bằng mức dự kiến, tăng 11,26% so với năm 2023; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 25 tỷ USD, tăng 14,79%; xuất siêu 19 tỷ USD, tăng 6,93% so với năm 2023.
- Tăng trưởng GDP quý III/2024 thực tế của Việt Nam đạt 7,4% so với cùng kỳ năm trước, vượt dự báo trung bình của thị trường là 6,1% và vượt dự báo của UOB là 5,7%. Theo đó, UOB đã đưa ra dự báo tốc độ tăng trưởng cho năm 2025 là 6,6%.
- Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam vẫn nằm trên ngưỡng 50 điểm trong tháng 11, từ đó cho thấy các điều kiện kinh doanh đã cải thiện tháng thứ hai liên tiếp sau khi suy giảm do cơ bão Yagi trong tháng 9. Tuy nhiên, kết quả 50,8 điểm là giảm so với 51,2 điểm của tháng 10, cho thấy sức khỏe ngành sản xuất chỉ mạnh lên ở mức khiêm tốn.
- **HDB:** Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM vừa công bố quyết định về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, ngày đăng ký cuối cùng là 12/12/2024. Cụ thể, ngân hàng sẽ phát hành 582,5 triệu cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ thực hiện quyền là 20%.
- **VCB:** Với việc được Quốc hội thông qua chủ trương, Vietcombank có thể sớm phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tăng vốn điều lệ thêm 27.666 tỷ đồng (gồm cả vốn của Nhà nước và cổ đông khác), tương ứng với tỷ lệ chi trả 49,5%. Sau khi phát hành, vốn điều lệ của Vietcombank sẽ đạt 83.557 tỷ đồng – dự kiến đứng đầu hệ thống ngân hàng.
- **OIL:** Trong 11 tháng năm 2024, PV OIL ước đạt tổng doanh thu trên 120.000 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức kế hoạch quản trị theo Quyết định 529 của PVN và là 1 trong 3 đơn vị của tập đoàn đạt mức doanh thu trên 100.000 tỷ đồng.
- **FMC:** CTCP Thực Phẩm Sao Ta mới công bố tình hình sản xuất, kinh doanh tháng 11/2024 với doanh số tăng trưởng 5% so với cùng kỳ, nhưng giảm 21% so với tháng trước. Tính chung 11 tháng 2024, Sao Ta đạt khoảng 228,63 triệu USD doanh số, vượt kế hoạch doanh số cả năm đã đặt ra là 210 triệu USD.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.635,83	-0,13	27,77
Dầu WTI	68,09	-0,01	-4,97
Dầu Brent	71,86	0,04	-6,72
Than	135,00	-1,75	-7,79
Đồng	8.992,50	-0,20	5,06
Quặng sắt	105,87	0,80	-23,24
Thép	495,00	1,33	-12,34

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	106,445	0,00	5,04
USD/JPY	149,88	-0,19	-5,90
USD/CNY	7,2933	-0,26	-2,65
EUR/USD	1,0488	-0,10	-4,99
GBP/USD	1,2646	-0,07	-0,67

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
FPT	949,44	142.200	-0,77
VHM	154,38	40.750	-0,12
HPG	500,70	26.900	0,56
MWG	167,94	60.400	-0,17
DXG	197,43	17.250	-1,43

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	526.492,40	94.200	0,96
BID	265.070,27	46.500	-0,53
FPT	209.186,04	142.200	-0,77
CTG	192.514,20	35.850	0,28
HPG	172.059,13	26.900	0,56

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

DPM

Khuyến nghị**MUA****Giá hiện tại****35.650****Giá mục tiêu****38.000****Tiềm năng tăng giá****6,59%****Vùng giải ngân****34.000-35.500****Ngưỡng cắt lỗ****<33.000**

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Trong 9 tháng đầu năm, DPM đã ghi nhận doanh thu tổng cộng 10.309 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 425 tỷ đồng. Là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xuất khẩu ure ở Việt Nam, DPM tập trung chủ yếu vào sản phẩm này.
- DPM dự kiến sản xuất khoảng 591 nghìn tấn (-14,7% so với cùng kỳ), nhưng do mở rộng thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu, sản lượng kinh doanh đạt 684 nghìn tấn (+7% so với cùng kỳ). NPK, một trong những dòng sản phẩm quan trọng, đạt vị trí thứ 2 với hơn 104 nghìn tấn được sản xuất và kinh doanh.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- DPM đang tạo vùng tích lũy hẹp sau khi kiểm nghiệm không thành công vùng cản 36.000-36.500 đồng. Điểm tích cực là dòng tiền đang được cải thiện khá tốt. Nhà đầu tư có thể theo dõi diễn biến cổ phiếu trong những phiên tới để có hành động phù hợp, vùng mua quanh ngưỡng hỗ trợ 34.000-35.000 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
DTT (tỷ đ)	18.627	13.569	3.077
LNTT (tỷ đ)	6.606	691	95
LNST (tỷ đ)	5.585	530	66
Nợ/VCSH (%)	5	0	30
ROE (%)	43,66	3,20	5,83
ROA (%)	35,20	3,35	4,16
EPS (VNĐ)	13.581	1.030	1666,72
P/E (lần)	3,2	32,3	21,39
P/B (lần)	1,22	1,15	1,26

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	59,85	BUY
MACD (12,26)	0,34	BUY
ADX (14)	15,58	BUY
SMA5	35.610	BUY
SMA20	34.450	BUY
SMA50	34.670	BUY
SMA100	34.570	BUY
SMA200	34.130	BUY

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	GMD	Mua	63,8-65	12/11/2024	65	70,2	61,8			-1,08%
2	HCM	Nắm giữ	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7			3,89%
3	STB	Nắm giữ	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30			5,08%
4	DPM	Nắm giữ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33			1,28%
5	VCI	Mua	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4			-1,04%
6	ANV	Nắm giữ	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3			2,50%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	PNJ	Chốt lời	95-96,5	2/8/2024	96	108	91,6	20/8/2024	108	12,50%
2	MWG	Chốt lời	59,5-62	20/6/2024	62	69,8	57,5	21/8/2024	69,8	12,58%
3	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
4	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
5	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
6	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
7	PLX	Cắt lỗ	44-46	20/9/2024	45,35	49,8	42,8	15/10/2024	42,8	-5,62%
8	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
9	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
10	DCM	Cắt lỗ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2	22/10/2024	36,6	-1,08%
11	NKG	Cắt lỗ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20	22/10/2024	20,5	-2,38%
12	PVT	Cắt lỗ	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6	22/10/2024	27,6	-1,78%
13	KBC	Cơ cấu	26,5-27	3/10/2024	27	29,8	25,7	22/10/2024	27,2	0,74%
14	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
15	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Ngày: ngày 20/10/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đỉnh 14	-(-12%)
Chốt lời 1(50%)	18-19	-(-3%~-18%)
Chốt lời 2(50%)	21-22	-(-8~-37%)
Mã CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
	(Có thể DCA về 61-62)	
Cắt lỗ	Đỉnh 59	-(-5%)
Chốt lời 1(50%)	72-75	-(-2%~-14%)
Chốt lời 2(50%)	Nằm giờ	
Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1(50%)	23-24	-(-7%~-12%)
Chốt lời 2(50%)	25.4-26	-(-1%~-24%)

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (đây là)	+679,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập

ginlabs.vn/room